

**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI**  
**TRƯỜNG ĐƯỢC XÁC NHẬN HIỆU LỰC PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN**  
**QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Bản xác nhận 4302/XN-STNMT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường)*

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ HIỆU
<b>I</b>	<b>TÀI LIỆU CHUNG CỦA HTQLCL</b>	
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng - Chính sách chất lượng - Mục tiêu chất lượng	MHHT - CSCL - MTCL
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội	HD.02
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03
5	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04
<b>II</b>	<b>CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ</b>	
<b>1. VĂN PHÒNG SỞ</b>		
1	Quy trình Xây dựng và ban hành văn bản ra bên ngoài	QT.VPS.01
2	Quy trình Thi đua khen thưởng	QT.VPS.02
3	Quy trình Theo dõi và đánh giá sự hài lòng của khách hàng	QT.VPS.03
<b>2. THANH TRA SỞ</b>		
4	Quy trình Tiếp công dân	QT.TTr.01
5	Quy trình Giải quyết khiếu nại	QT.TTr.02
6	Quy trình Giải quyết tố cáo	QT.TTr.03
7	Quy trình Thanh tra	QT.TTr.04
8	Quy trình giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	QT.TTr.05
<b>3. PHÒNG ĐO ĐẠC, ĐĂNG KÝ VÀ KINH TẾ ĐẤT</b>		
9	Quy trình Kiểm tra, nghiệm thu xác nhận sản phẩm đủ điều kiện đưa vào sử dụng đối với sản phẩm trích đo địa chính (trích đo địa chính cụm, thửa đất, khu đất)	QT.ĐĐ 01
10	Quy trình Kiểm tra, nghiệm thu xác nhận sản phẩm đủ điều kiện đưa vào sử dụng đối với sản phẩm trích đo địa	QT.ĐĐ 02

	chính (trích đo địa chính thửa đất riêng lẻ)	
11	Quy trình Kiểm tra, nghiệm thu xác nhận sản phẩm đủ điều kiện đưa vào sử dụng đối với sản phẩm đo đạc chính lý bản đồ địa chính	QT.ĐĐ 03
<b>III. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC</b>		
<b>1. PHÒNG TÀI NGUYÊN NƯỚC – KHOÁNG SẢN</b>		
<b>1.1. TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN</b>		
1	Quy trình Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.	QT.KS 01
2	Quy trình Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	QT.KS 02
3	Quy trình Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	QT.KS 03
4	Quy trình Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	QT.KS 04
5	Quy trình Phê duyệt trữ lượng khoáng sản.	QT.KS 05
6	Quy trình Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	QT.KS 06
7	Quy trình Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	QT.KS 07
8	Quy trình Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	QT.KS 08
9	Quy trình Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	QT.KS 09
10	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	QT.KS 10
11	Quy trình Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	QT.KS 11
12	Quy trình Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	QT.KS 12
13	Quy trình Đóng cửa mỏ khoáng sản	QT.KS 13
14	Quy trình Đóng cửa mỏ khoáng sản	QT.KS 14
15	Quy trình Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT.KS 15

16	Quy trình Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	QT.KS 16
<b>1.2. TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>		
17	Quy trình Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QT.TNN 01
18	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QT.TNN 02
19	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QT.TNN 03
20	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QT.TNN 04
21	Quy trình Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN 05
22	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN 06
23	Quy trình Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN 07
24	Quy trình Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	QT.TNN 08
25	Quy trình Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	QT.TNN 09
26	Quy trình Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	QT.TNN 10
27	Quy trình Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	QT.TNN 11
28	Quy trình Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	QT.TNN 12
29	Quy trình Gia hạn điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	QT.TNN 13
30	Quy trình Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT.TNN 14
31	Quy trình Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT.TNN 15
32	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	QT.TNN 16
33	Quy trình Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT.TNN 17

34	Quy trình Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT.TNN 18
35	Quy trình Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN 19
36	Quy trình Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	QT.TNN 20
37	Quy trình Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT.TNN 21
38	Quy trình Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT.TNN 22
39	Quy trình Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	QT.TNN 23
<b>2. PHÒNG BIỂN, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>		
<b>2.1. QUY TRÌNH LĨNH VỰC BIỂN</b>		
40	Quy trình Giao khu vực biển	QT.B.01
41	Quy trình gia hạn thời hạn giao khu vực biển	QT.B.02
42	Quy trình sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	QT.B.03
43	Quy trình trả lại khu vực biển	QT.B.04
44	Quy trình công nhận khu vực biển	QT.B.05
45	Quy trình cấp giấy phép nhận chìm ở biển	QT.B.06
46	Quy trình gia hạn giấy phép nhận chìm ở biển	QT.B.07
47	Quy trình sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển	QT.B.08
48	Quy trình trả lại giấy phép nhận chìm ở biển	QT.B.09
49	Quy trình cấp lại giấy phép nhận chìm ở biển	QT.B.10
50	Quy trình khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu Tài nguyên, môi trường Biển và Hải đảo thông qua mạng điện tử	QT.B.11
51	Quy trình khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu Tài nguyên, môi trường Biển và Hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	QT.B.12
<b>2.2. QUY TRÌNH LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN</b>		

47	Quy trình cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QT. KTTV 01
48	Quy trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QT.KTTV 02
49	Quy trình cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QT.KTTV 03
<b>3. PHÒNG QUY HOẠCH – KẾ HOẠCH ĐẤT ĐAI</b>		
50	Quy trình Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	QT.QH 01
51	Quy trình Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	QT.QH 02
52	Quy trình Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất	QT.QH 03
53	Quy trình Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	QT.QH 04
54	Quy trình Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước	QT.QH 05
55	Quy trình Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	QT.QH 06
56	Quy trình Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử	QT.QH 07

	dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	
57	Quy trình Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	QT.QH 08
58	Quy trình Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	QT.QH 09
59	Quy trình Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	QT.QH 10
60	Quy trình Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	QT.QH 11
61	Quy trình Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	QT.QH 12
62	Quy trình Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	QT.QH 13
63	Quy trình Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức	QT.QH 14
64	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	QT.QH 15

<b>4. PHÒNG ĐO ĐẠC VÀ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</b>		
65	Quy trình Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	QT.ĐĐ.04
66	Quy trình Cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ.	QT.ĐĐ.05
67	Quy trình Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	QT.ĐĐ.06
68	Quy trình Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	QT.ĐĐ.07
69	Quy trình Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	QT.ĐĐ.08